

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DDIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/12/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+BK6+BK8	7:25	7+5+10	0+0+0		1+3+18	0+0+0	
2		RP1+TD1+CTC1	7:25	5+3+11	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
3		HS7+BK10+P2	7:25	4+4+14	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
4		TD2+PVD1	9:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
5		RP2	9:25	22	0		21	0	
6		PPD+RP2	9:25	14+8	0+0		9+13	0+0	
7		RC3+VSP02+CTK3	11:25	5+10+2	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
8		BK5+P11+P9	11:25	4+5+7	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
9		BK8+P2+RP1	11:25	0+21+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	Chuyen 1 BK8-P2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

I/ Di vệ trong ngày: RC3 - 3ng, RP1 - 5ng, P2 - 2ng, 1 NGƯỜI pphd VỀ QUA p2



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RC3 - BK6 - BK8	CREW: HUNG - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAPOV RUSLAN	RC3	30	1	5	20	105	KH-THAC	Russian
2	PHAN VAN ĐỨC	RC3	26	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	RC3	27	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU LÊ TRUNG	RC3	28	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO KHANH NAM	RC3	25	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HAI VIỆT	RC3	29	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGOC AN	BK6	05-06	2	8	40	72	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN THO	BK6	01	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU QUYNH AN	BK6	97	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN NAM	BK6	99	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HAI AN	BK6	02	1	6		70	PSV	Vietnamese
12	BAGRAMOV	BK8	72	1	10	20	102	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	BK8	75	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HẠ	BK8	74	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH SƠN	BK8	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU SƠN	BK8	80-81	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	BK8	77-78	2	25		81	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK8	76	1	15		71	CODIEN	Vietnamese
20	BUI ĐẮC CÀNH	BK8	73	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	6	6	28	487	20	1		
2	BK6	5	6	42	380	40	3		
3	BK8	9	10	85	664	20	18		
TOTAL		20	22	155	1.531	80	22		
WEIGHT KG				155	1.531	80			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: RP1 - TD1 - CTC1	CREW: LHải - TĐông - DSon	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	RP1					75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	RP1					79	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI DINH PHI	RP1	59	1	5	80	64	NIPI	Vietnamese
4	TRAN VAN LINH	RP1					79	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG TU	RP1					71	NHATHAU	Vietnamese
6	CHU ĐỨC HÙNG	TD1	04	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRỌNG TÂN	TD1	03	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CÔNG MINH HIẾU	TD1	02	1	8		91	KH-THAC	Vietnamese
9	AKOPOV D.A	CTC1	15	1	3		82	KH-THAC	Russian
10	BUI SY HIEU	CTC1	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	20	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG ANH HUNG	CTC1	19	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG XUAN THANH	CTC1	10	1	5	45	76	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN TRỌNG MẠNH	CTC1	11	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC LAN	CTC1	12	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TRUONG	CTC1	16-17	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VAN QUOC	CTC1	21	1	4		57	GETRACO	Vietnamese
18	BUI ĐỨC CHUYỀN	CTC1	18	1	7		53	GETRACO	Vietnamese
19	LE ANH VU	CTC1	13-14	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	5	1	5	368	80	0		
2	TD1	3	3	20	225	0	3		
3	CTC1	11	13	69	772	45	19		
TOTAL		19	17	94	1.365	125	22		
WEIGHT KG				94	1.365	125			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	TO: HSD - BK10 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng -	ETA: 09:25
CAM-1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE QUOC HUNG	HSD	01,500	2	12		71	TLJOC	Vietnamese
2	PHAM TIEN DUAN	HSD	04	1	6	70	66	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN MINH	HSD	99	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUC QUAN	HSD	02-03	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THE VINH	BK10	06	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	LE THANH HAI	BK10	03	1	10	30	65	KH-THAC	Vietnamese
7	VU XUAN TAM	BK10	05	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE HANH	BK10	04	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN SON TRUONG	P2	86	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG DUC HIEU	P2	43	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM QUOC HIEN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC HAI	P2	84	1	12		94	KH-THAC	Vietnamese
13	HO XUAN HAO	P2	90	1	3		74	NIPI	Vietnamese
14	PHAM VAN DONG	P2	88	1	3		59	NIPI	Vietnamese
15	DOAN NGUYEN BAO CHAU	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MINH DUC	P2	79	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAC DUC HUY	P2	80	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN DONG	P2	85	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU VAN TU	P2	82	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG SY NGOC	P2	87	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	LE DINH HUAN	P2	81	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
22	LE SINH TAM	P2	89	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

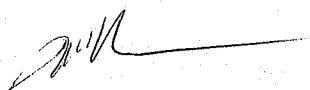
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	6	29	288	70	3		
2	BK10	4	4	44	272	30	0		
3	P2	14	12	58	977	0	19		
TOTAL		22	22	131	1.537	100	22		
WEIGHT KG				131	1.537	100			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	TO: TD2 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

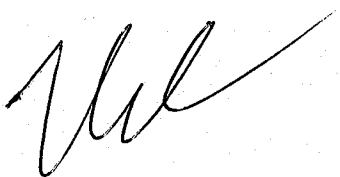
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HUNG	TD2	78	1	5	80	79	KHOAN	Vietnamese
2	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	66	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HUNG	TD2	69	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	74	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	79	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	67	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	80-81	2	6		70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HAI SƠN	TD2	71	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	68	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ THANH QUANG	TD2	75	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN XUÂN	TD2	73	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HUNG	TD2	70	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ANH MINH	TD2	82-83	2	20		80	T-TIN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỨC	TD2					79	T-TIN	Vietnamese
16	CAO DUY LUNG	TD2	84	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN PHƯƠNG	TD2	89	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
18	BUI SĨ CUÔNG	TD2	90	1	5		59	GETRACO	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN LÂN	TD2	72	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC THĂNG	TD2	76	1	4		82	GETRACO	Vietnamese
21	ĐÀU VĂN XUÂN	TD2	77	1	2		63	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

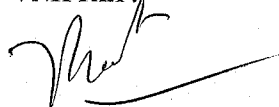
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	21	99	1.479	80	15		
2	PVD1	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	21	99	1.479	80	22		
WEIGHT KG				99	1.479	80			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	TO: RP2	CREW: LHai - TĐông - DSon	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.	RP2	22	1	12		90	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	58	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	62	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	59	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	64	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	98	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	99	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	72	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	54	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	56	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	300	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA DUY	RP2	53	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ HOANG CẨM	RP2	63	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ LAM	RP2	23	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	57	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	61	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	60	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HỮU QUAN	RP2	52	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO TRƯỞNG SƠN	RP2	51	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN NGÔN QUANG DUY	RP2	48	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	21	108	1.591	0	22		
TOTAL		22	21	108	1.591	0	22		
WEIGHT KG				108	1.591	0			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: XHOÀN - VThắng -	ETA: 11:45
CAM-2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG BÌNH	PPD	82	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VINH PHƯƠNG	PPD	05	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	PPD	01	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	02	1	7	50	81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	03-04	2	9	40	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	83	1	8		77	KHI	Vietnamese
7	VU ĐỨC HOANG	PPD	06	1	6		66	KHI	Vietnamese
8	MUHAMMAD MAAZ JAFRI	PPD	84-85	2	15		75	KHI	Pakistan
9	LÊ QUỐC DŨNG	PPD	90	1	6		74	KHI	Vietnamese
10	PHAN VĂN ĐỨC	PPD	09-10	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	88-89	2	12		75	YTE	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG PHONG	PPD	86-87	2	12		75	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC KHANH	PPD	07	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	DƯƠNG XUÂN TOÀN	PPD	08	1	6		60	PSV	Vietnamese
15	PHAN TÂN TÀI	RP2	88	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	91	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	87	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ANH TỬ	RP2	89	1	3		75	GETRACO	Vietnamese
19	VU HOANG QUAN	RP2	92	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	RP2	90	1	6		52	GETRACO	Vietnamese
21	HOANG VĂN LINH	RP2	93	1	8		62	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	19	121	999	90	10		
2	RP2	7	7	38	445	50	12		
TOTAL		21	26	159	1.444	140	22		
WEIGHT KG				159	1.444	140			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: RC3 - VSP02 - CTK3	CREW: CHIẾN - NPhú - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

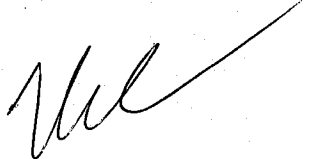
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	78	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CÔNG HOÀNG	RC3	83	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG HÙNG	RC3	81-82	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG TUÂN CUONG	RC3	79	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG ĐIỀN	RC3	80	1	5		68	GETRACO	Vietnamese
6	ĐAU HUY HOANG	RC3	77	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HẢO	VSP02	90-91	2	12		61	BA SON	Vietnamese
8	PHẠM TUÂN ANH	VSP02	18	1	10		65	BA SON	Vietnamese
9	PHAN HUY THẮNG	VSP02	93	1	8		72	BA SON	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC KHÁNH	VSP02	86,88	2	15		82	BA SON	Vietnamese
11	NGÔ ĐÌNH NGUYỄN	VSP02	82	1	5	10	64	BA SON	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	VSP02	83-84	2	20	20	76	BA SON	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NAM	VSP02	87	1	8		72	BA SON	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN PHI	VSP02				65	70	BA SON	Vietnamese
15	LÊ XUÂN ĐÔNG	VSP02	92	1	10		56	BA SON	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÌNH	VSP02	89	1	7		65	BA SON	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	300	1	5		70	YTE	Vietnamese
18	VU VĂN KIẾN	CTK3	98-99	2	8	27	55	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	6	7	48	423	0	7		
2	VSP02	10	12	95	683	95	9		
3	CTK3	2	3	13	125	27	6		
TOTAL		18	22	156	1.231	122	22		
WEIGHT KG				156	1.231	122			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	TO: BK5 - P11 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHaì - ĐỨC - DSon	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	04-05	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN HÙNG	BK5	02-03	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG VĂN PHO	BK5	16	1	8	15	69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN XUÂN HOA	BK5					73	PSV	Vietnamese
5	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	P11	49	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO HOANG NAM	P11	45	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN LINH	P11	47-48	2	18	45	70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM PHÚ BÌNH	P11	46	1	5		64	PSV	Vietnamese
9	TÀ VĂN HAI	P11	50	1	5		57	PSV	Vietnamese
10	TRƯƠNG NGỌC LINH	P9	27	1	9	37	73	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HAO	P9	86	1	8	15	73	NAM TIEN	Vietnamese
12	BUI LONG KHANH	P9	24-25	2	16		58	NAM TIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P9	23	1	15		65	NAM TIEN	Vietnamese
14	BUI TRẦN TIẾN	P9	26	1	5		61	NAM TIEN	Vietnamese
15	NGO VĂN GIÁP	P9	22	1	10		60	NAM TIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC SƠN	P9	84	1	15	15	56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	5	29	271	15	5		
2	P11	5	6	54	350	45	6		
3	P9	7	8	78	446	67	11		
TOTAL		16	19	161	1.067	127	22		
WEIGHT KG				161	1.067	127			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2022	TO: BK8 - P2 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Linh - Dương - Toan	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC DU	P2	100,200	2	13	32	70	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ NGỌC DŨNG	P2	95	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THỌ DŨNG	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	36	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	41	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	35	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
7	K LING	P2	98	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THANH	P2	32	1	5	20	78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGHIEM XUAN ANH	P2	37	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUAN PHONG	P2	39	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	42	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀNG MẠNH HÀ	P2	38	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	P. NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	33	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN NAM	P2	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	91	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG ĐÌNH QUÊ	P2	92	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
17	ZAKHARIN SERGEY	P2	40	1	7		110	KH-THAC	Russian
18	ĐÌNH ĐỨC QUÂN	P2	43	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VĂN HỒNG	P2	93-94	2	18		96	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TUÂN	P2	96-97	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
21	HỒ SỸ SƠN KÀ	P2	34	1	11		58	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	0	0	0	0	0	04	11	CHUYEN 1 PAX BK8-P2
2	P2	21	23	170	1.523	52	16		
3	RP1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	23	170	1.523	52	22		
WEIGHT KG				170	1.523	52			

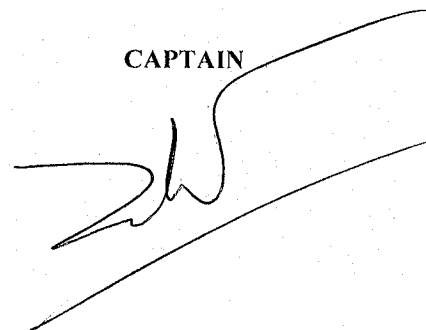
GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P2	7:25	15+7	0+0		11+11	0+0	chuyen 1 td5-p2
2		P8+P3+CLO	7:25	8+0+14	0+0+0		5+1+15	0+0+0	
3		TD1+P1	9:25	16+0	0+0		18+4	0+0	
4		TD3+P4+P5	9:25	22+0+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	chuyen 1 p4-p5
5		TD3+P4	11:25	10+9	0+0		0+22	0+0	
6		P11+BK9+TD5	11:25	9+10+1	0+0+0		0+8+14	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD5 - P2	CREW: Linh - HUNG - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIEU TUAN ANH	TD5	69	1	7		70	VR	Vietnamese
2	PHAM DUY CHUNG	TD5	59	1	3		70	VR	Vietnamese
3	TRINH HOANG KHANH	TD5	62	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN HANH	TD5	66	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN BACH TUNG	TD5	63	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
6	NGO QUOC BAO	TD5	61	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAT THANH	TD5	54	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN SY LE	TD5	58	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VIET DUNG	TD5	67	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	DO VINH CUONG	TD5	60	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUNG	TD5	55	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CAO HOANG	TD5	64-65	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN DIEU	TD5	57	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH CONG	TD5	56	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
15	LUONG MINH PHUNG	TD5	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN QUY DUNG	P2	86	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
17	DO DUC HAU	P2	24	1	18		63	XAYLAP	Vietnamese
18	LE VAN TINH	P2	01	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HUU PHI	P2	84-85	2	11		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC THACH	P2	89-90	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN NAM DINH	P2	87-88	2	18	10	70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG TUAN	P2	91-92	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	16	98	1.056	0	11	1	CHUYEN 01 PAX TU TD5 SANG P2
2	P2	7	11	101	459	10	11		
TOTAL		22	27	199	1.515	10	22		
WEIGHT KG				199	1.515	10			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2022	TO: P8 - P3 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrường - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO TRUNG KIẾN	P8	09	1	4	32	67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRỊNH BA ĐỒNG	P8	03	1	3	40	69	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG TUẤN	P8	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC THỊNH	P8	02	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHANH	P8	04	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
6	THỊNH TUẤN HAI	P8	08	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN BÌNH	P8	07	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ MINH PHƯỢNG	P8	05-06	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN HUNG	CLO	80	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG THANH	CLO	90	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BUI QUANG	CLO	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH BẢO	CLO	19	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN CÔNG PHU	CLO	77	1	2		83	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	17	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	300	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	89	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN KIM HUNG	CLO	18	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
20	YANCHENKO SERGEY	CLO	87	1	11		81	ANTOAN	Russian
21	TRẦN MINH BẠCH	CLO	88	1	6		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	9	62	564	72	5		
2	P3	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	13	13	73	925	0	15		
TOTAL		21	22	135	1.489	72	21		
WEIGHT KG				135	1.489	72			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: TD1 - P1	CREW: Dương - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1					75	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN MINH SON	TD1	06	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	07	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	14	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	16	1	6	70	67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TIỀN VINH	TD1	08	1	16		82	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	10	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THIỆU	TD1	09	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	17	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	13	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					55	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN NINH	TD1	15	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG XUÂN THI	TD1	20	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN SANG	TD1	11-12	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ANH VINH	TD1	18-19	2	13		60	DVL	Vietnamese
17	LE VAN QUANG	TD1	21	1	10		70	HDONG	Vietnamese
18	CAO MINH TUAN	TD1	26	1	10		73	HDONG	Vietnamese
19	LE TRUONG HAU	TD1	22-23	2	15		76	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	19	129	1.346	70	18		
2	P1	0	0	0	0	10	4		
TOTAL		19	19	129	1.346	80	22		
WEIGHT KG				129	1.346	80			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2022	TO: TD3 - P4 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - Vũ	ETA: 11:25
VANG-2			

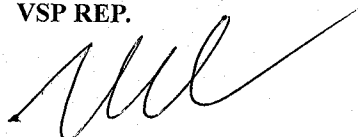
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	61-62	2	17	45	70	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	06	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	51-52	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	56	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	58	1	12		86	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	54	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VĂN NGHĨA	TD3	05	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN HOÀNG LAM	TD3	49-50	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
9	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	57	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG THANH TÚ	TD3					84	KHOAN	Vietnamese
11	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	53	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY LONG	TD3	67	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3	55	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HƯƠNG	TD3	70-71	2	14	30	51	BA SON	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN UT	TD3	65-66	2	19		65	BA SON	Vietnamese
16	CÁ HỮU LỰC	TD3	68-69	2	12		80	BA SON	Vietnamese
17	NGUYỄN PHƯỚC ĐẠT	TD3	72	1	9		60	BA SON	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HOÀI	TD3	73	1	3		71	BA SON	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN HÀ	TD3	74	1	5		78	BA SON	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH THỂ	TD3	63	1	5		81	BA SON	Vietnamese
21	NGUYỄN THỌ KHANH	TD3	59-60	2	17		67	BA SON	Vietnamese
22	BUI VĂN TIẾN	TD3	64	1	4		60	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	28	187	1.532	75	16		CHUYEN 1 PAX P4-P5
2	P4	0	0	0	0	20	2		
3	P5	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	28	187	1.532	115	22		
WEIGHT KG				187	1.532	115			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 5	TO: TD3 - P4	CREW: Dương - CHIÊN - N Nam	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN ĐẠT	TD3	94	1	5		61	BA SON	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGỌC	TD3	93	1	5		46	BA SON	Vietnamese
3	PHẠM MINH ĐẠT	TD3	98-99	2	15		52	BA SON	Vietnamese
4	PHẠM ĐÌNH ANH	TD3	95	1	8	10	48	BA SON	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG HUY	TD3	97	1	5	48	67	BA SON	Vietnamese
6	HỒ MINH TÂN	TD3	800	1	6	40	90	SHINTRAC	Vietnamese
7	HUYNH TÂN BÌNH	TD3	91	1	5		60	SHINTRAC	Vietnamese
8	TRẦN NHẬT TIẾN	TD3	92	1	5		70	SHINTRAC	Vietnamese
9	NGUYỄN PHƯỚC HẬU	TD3	90	1	8		84	SHINTRAC	Vietnamese
10	DIỆP BẢO HOÀ	TD3	89	1	12		72	SHINTRAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THỨC	P4	92-93	2	14		61	MERMAID	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH ĐỨC	P4	90-91	2	25		65	MERMAID	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN KIẾT	P4	89	1	8		71	NAM TIẾN	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC TÀI	P4	86	1	10		62	NAM TIẾN	Vietnamese
15	PHAN ĐÌNH QUANG	P4	87-88	2	9		50	NAM TIẾN	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN DŨNG	P4	94	1	7		72	NAM TIẾN	Vietnamese
17	LƯU NGUYỄN NHẬT DUY	P4	95	1	7		80	NAM TIẾN	Vietnamese
18	NGUYỄN TÂN PHONG	P4	85	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN HÙNG	P4					77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	74	650	98	0		
2	P4	9	11	88	602	0	22		
TOTAL		19	22	162	1.252	98	22		
WEIGHT KG				162	1.252	98			

GRAND TOAL: 1.512 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2022	TO: P11 - BK9 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:05
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - Vũ	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO VĂN GIAP	P11	59-60	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐINH QUANG THAI	P11	54	1	5	15	75	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN BAO	P11	57-58	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC THỊNH	P11	68	1	10	20	70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	P11	63	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P11	61-62	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	P11	66	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P11	56	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HÙNG	P11	54-55	2	18		54	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CUÔNG	BK9	27-28	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG MỸ TRƯỜNG	BK9	21	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VĂN NGỌC	BK9	34	1	8	14	51	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ CÔNG BÌNH	BK9	23-24	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ QUANG HÙNG	BK9	22	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN DƯƠNG	BK9	25-26	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN LAM	BK9	31-32	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÚ	BK9	29-30	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	BK9	20	1	7		57	PSV	Vietnamese
19	TRẦN PHI BĂNG	BK9	18	1	10	20	65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	70	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

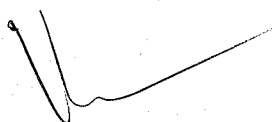
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	9	13	114	634	35	0		
2	BK9	10	15	131	619	34	8		
3	TD5	1	1	5	80	0	14		
TOTAL		20	29	250	1.333	69	22		
WEIGHT KG				250	1.333	69			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

